

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM 2022

* KINH PHÍ ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2022

A. PHẦN THU:

I. Thu từ nguồn ngân sách nhà nước:	8.602.461.000đ
1. Kinh phí được ngân sách nhà nước cấp năm 2022:	8.602.461.000đ
Trong đó:	
1.1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:	3.599.422.000đ
- Kinh phí còn lại được sử dụng: (Trừ cắt giảm 20% chi TX)	3.599.422.000đ
1.2. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ:	1.867.350.000đ
- Kinh phí còn lại được sử dụng: (Trừ cắt giảm 20% chi TX)	1.867.350.000đ
1.3. Kinh phí giám sát chất lượng môi trường:	732.000.000đ
- Kinh phí còn lại được sử dụng:	732.000.000đ
1.4. KP Quảng bá xúc tiến đầu tư giao đầu năm 2022:	243.000.000đ
- Kinh phí quảng bá xúc tiến đầu tư được sử dụng:	243.000.000đ
1.5. Nguồn KP chi Quy hoạch năm 2022: (Vốn đầu tư công)	590.000.000đ
- Kinh phí còn lại được sử dụng:	590.000.000đ
1.6. Nguồn KP chi Quy hoạch năm 2022: (Vốn ngân sách cấp)	600.000.000đ
1.7. Kinh phí tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất tại KKT Thương mại đặc biệt Lao Bảo	400.000.000đ
- Kinh phí được sử dụng:	400.000.000đ
1.8. Kinh phí tổ chức xác định giá đất cụ thể tính tiền thuê đất:	158.229.000đ
- Kinh phí được sử dụng:	158.229.000đ
1.9. Kinh phí hỗ trợ và giải quyết thôi việc đối với Hợp đồng 68:	412.460.000đ
- Kinh phí được sử dụng:	412.460.000đ
II. Kinh phí thu được từ nguồn phí lệ phí:	10.697.000đ
1. Thu từ nguồn phí, lệ phí khác:	10.697.000đ
Trong đó	
- Nộp Ngân sách nhà nước:	6.348.500đ
- Trích để lại đơn vị:	4.348.500đ
III. Kinh phí giảm dự toán chi ngân sách và đầu tư công năm 2022:	745.764.000đ

Theo Quyết định số 3511/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 và vốn đầu tư công các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thì Ban giám: 745.764.000đ

Trong đó: - Kinh phí Giảm ngân sách nhà nước: 600.000.000đ
 - Kinh phí Giám sát môi trường định kỳ giảm 2% theo Nghị quyết 43: 12.470.000đ
 - Kinh phí vốn quy hoạch đầu tư công giảm: 133.294.000đ

III. Tổng cộng phần thu trừ giảm trong năm 2022 còn lại được sử dụng (I+II-III): 7.867.394.000đ

B. PHẦN CHI:

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ còn lại được sử dụng: 3.599.422.000đ

Trong đó:

+ Mục 6000 - Tiền lương:	1.882.845.000đ
+ Mục 6100 - Phụ cấp lương:	699.905.000đ
+ Mục 6200 - Tiền thưởng:	26.757.000đ
+ Mục 6250 - Phúc lợi tập thể:	70.494.000đ
+ Mục 6300 - Các khoản đóng góp BHXH, BHYT:	444.910.000đ
+ Mục 6400 - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:	76.000.000đ
+ Mục 6500 - Dịch vụ công cộng điện, nước:	93.926.000đ
+ Mục 6550 - Vật tư văn phòng:	109.043.000đ
+ Mục 6600 - Thông tin liên lạc:	42.636.000đ
+ Mục 6700 - Công tác phí:	12.692.000đ
+ Mục 6750 - Chi phí thuê mướn:	4.982.000đ
+ Mục 6900 - Sửa chữa tài sản p/v công tác chuyên môn:	77.567.000đ
+ Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành:	3.502.000đ
+ Mục 7250- Chi lg hưu và trợ cấp BHXH cho HĐ nghỉ thôi việc:	22.515.000đ
+ Mục 7750 - Chi khác:	31.648.000đ

2. Nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ đc sử dụng: 1.867.350.000đ

Trong đó:

+ Mục 6050- Tiền công cho lao động Hợp đồng (03):	243.399.000đ
+ Mục 6300 - Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN của HĐ:	56.601.000đ
+ Mục 6500 - Dịch vụ công cộng (xăng xe ô tô):	234.963.500đ
+ Mục 6550 - Vật tư văn phòng:	118.841.000đ
+ Mục 6600 - Thông tin, tuyên truyền, liên lạc:	30.661.000đ
+ Mục 6650 - Hội nghị:	84.000.000đ
+ Mục 6700 - Công tác phí:	278.433.000đ
+ Mục 6900 - Sửa chữa tài sản p/v công tác chuyên môn:	485.231.500đ
+ Mục 6950 – Mua sắm tài sản phục vụ CM:	37.900.000đ
+ Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành:	34.750.000đ
+ Mục 7750 - Chi khác: (Tiếp và làm việc với các đoàn khách):	262.570.000đ

3. Nguồn Kinh phí giám sát môi trường được sử dụng:	719.530.000đ
+ Mục 6600 Thông tin tuyên truyền, liên lạc:	46.189.000đ
+ Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành:	673.341.000đ
4. Nguồn kinh phí quảng bá xúc tiến đầu tư:	243.000.000đ
+ Mục 6100 – Phụ cấp làm thêm ngoài giờ:	3.496.000đ
+ Mục 6550 - Vật tư văn phòng:	17.299.000đ
+ Mục 6600 - Thông tin tuyên truyền liên lạc, báo chí:	93.392.000đ
+ Mục 6700 - Công tác phí:	25.700.000đ
+ Mục 6750-Chi phí thuê mướn phục vụ Hội chợ tại Cửa Việt:	4.000.000đ
+ Mục 6750 – Thuê phiên dịch, biên dịch:	28.620.000đ
+ Mục 6950 – Mua tài sản phục vụ CM – máy chiếu phòng họp:	15.000.000đ
+ Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành:	21.293.000đ
+ Mục 7750 - Chi khác:	34.200.000đ
5. Kinh phí bổ sung ngân sách khác (thuê tư vấn định giá đất cụ thể để tính thu tiền thuê đất):	158.229.000đ
+ Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành:	158.229.000đ
6. Kinh phí dự phòng khác:	400.000.000đ
- Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ CV (tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất tại KKT Thương mại đặc biệt Lao Bảo)	400.000.000đ
7. Kinh phí hỗ trợ và giải quyết thôi việc đối với Hợp đồng 68:	412.460.000đ
+ Mục 7250- Trợ cấp chế độ nghỉ việc và trợ cấp theo Nghị quyết 115 của Hội đồng:	412.460.000đ
8. Nguồn kinh phí từ nguồn phí:	10.697.000đ
+ Mục 6550 - Vật tư văn phòng:	4.348.500đ
+ Nộp NSNN theo chế độ quy định:	6.348.500đ
9. Nguồn kinh phí chi quy hoạch năm 2022:	456.706.000đ
+ Mục 8150 Chi quy hoạch:	456.706.000đ
C. Tổng cộng phần chi:	7.867.394.000đ
D. Cân đối thu chi năm 2022:	
Tổng thu từ các nguồn:	7.867.394.000đ
Tổng Chi từ các nguồn:	7.867.394.000đ
Tồn quỹ năm 2022:	0 đ
* DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2023: (Sở Tài chính đã trừ 20% tiết kiệm)	
I. Tổng số chi ngân sách nhà nước năm 2023:	6.306.000.000đ
Trong đó:	
+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ + không tự chủ:	5.576.000.000đ
+ Kinh phí giám sát chất lượng môi trường:	729.000.000đ

Đồng hà, ngày 30 tháng 01 năm 2023



Thủ trưởng đơn vị

Phạm Ngọc Minh

Phạm Ngọc Minh

Kế toán trưởng

Hồ Thị Anh Thu

Hồ Thị Anh Thu